

Số: 152/2018/DS-ST

Ngày: 29-5-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST- DS ngày 24/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: Số v đường L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn D - Nhân viên, (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 1131/2018/UQ-VPB, ngày 21/5/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V).

Bị đơn: Ông Lê Bá P (vắng mặt).

Địa chỉ: Số b đường T, Phường v, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 24/10/2014 ông Lê Bá P ký Giấy đề nghị vay vốn kèm giấy yêu cầu bảo hiểm số 2086183 để vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 24%/năm. Trả trong vòng 24 kỳ, trả vào ngày 24 hàng tháng, mỗi kỳ trả 6.559.532 đồng, kỳ cuối cùng trả 6.559.537 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã

thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.810.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.162.637 đồng, nợ lãi 19.647.363 đồng, kể từ ngày 27/3/2015 đến nay ông P không thanh toán thêm khoản nào. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2018 ông P còn nợ số tiền 402.628.435 đồng, trong đó nợ gốc 186.837.363 đồng, nợ lãi 215.791.072 đồng (lãi trong hạn 163.630.608 đồng, lãi quá hạn 71.807.827 đồng).

Ngày 4/10/2014 ông Lê Bá P ký Giấy đề nghị phát hành kèm Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-274978 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay số tiền có hạn mức 48.000.000 đồng, lãi suất 24%/ năm, mục đích tiêu dùng. Ngày mở thẻ 30/10/2014, số tiền thực có trong tài khoản là 48.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông P đã sử dụng hết số tiền 48.000.000 đồng. Từ ngày mở thẻ cho đến ngày 13/11/2014 ông P thanh toán cho Ngân hàng số tiền 660.000. Do ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 102.542.036 đồng (gồm nợ gốc 47.340.000 đồng, nợ lãi 55.202.036 đồng trong đó lãi trong hạn 37.089.357 đồng, lãi quá hạn 18.112.679 đồng). Tổng số nợ của hai hợp đồng nói trên là 505.602.470 đồng.

Bị đơn ông Lê Bá P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phan Văn D đại diện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ của hai hợp đồng nói trên (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 505.602.470 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hai hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/5/2018 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Bá P thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bị đơn bà ông Lê Bá P trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn ông Lê Bá P cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xét xử vắng mặt bị đơn, ông Lê Bá P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Bá P.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy yêu cầu bảo hiểm số 2086183 giữa ông P với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có cơ sở để xác định ông P đã vay của Ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 24%/năm. Trả trong vòng 24 kỳ vào ngày 24 hàng tháng, mỗi kỳ trả 6.559.532 đồng, kỳ cuối cùng trả 6.559.537 đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 32.810.000 đồng, trong đó nợ gốc 13.162.637 đồng, nợ lãi 19.647.363 đồng. Kể từ ngày 27/3/2015 đến nay ông P vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán thêm khoản nào. Do đó Ngân hàng yêu cầu ông P trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2018 là 402.628.435 đồng, trong đó nợ gốc 186.837.363 đồng, nợ lãi 215.791.072 đồng (lãi trong hạn 163.630.608 đồng, lãi quá hạn 71.807.827 đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm Hợp đồng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-274978 giữa ông P với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có cơ sở để xác định ông P đã sử dụng thẻ VPBank MasterCard Platinum, ngày mở thẻ là ngày 30/10/2014, qua sử dụng ông P đã dùng hết số tiền 48.000.000 đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 660.000 đồng, kể ngày 13/11/2014 ông P không thanh toán thêm khoản nào. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 102.542.036 đồng (gồm nợ gốc 47.340.000 đồng, nợ lãi 55.202.036 đồng trong đó lãi trong hạn 37.089.357 đồng, lãi quá hạn 18.112.679 đồng) là có cơ sở. Theo quy định tại điểm j, k khoản 2.2 Điều 2 trong hợp đồng thẻ tín dụng nói trên thì ông P có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng các khoản phải trả trong kỳ, chịu các phí, lãi suất phát sinh nếu có. Như vậy ông P đã ký tên xác nhận đồng ý và hiểu rõ các điều kiện và điều khoản tại bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng này.

Từ những phân tích trên cho thấy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền còn nợ đối với hai hợp đồng nói trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông P có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền là 505.602.470 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hai hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/5/2018 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

[3] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng thẻ tín dụng thì ông P phải chịu phí chậm trả và lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Nguyên đơn áp dụng mức lãi đối với hợp đồng thẻ tín dụng là 28,68%/năm và lãi của hợp đồng tín dụng là 24%/năm vào thời điểm xét xử sơ thẩm, là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo hợp đồng thẻ tín dụng nói trên, ông P đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn, nghĩa là ông P mặc nhiên đồng ý thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho ngân hàng các khoản phải trả trong kỳ, chịu các phí, lãi suất phát sinh nếu có.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Do ông Lê Bá P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 465, 466 và khoản 1 Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Lê Bá P có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền là 505.602.470 đồng và thanh toán tiền lãi phát sinh theo quy định tại hai hợp đồng đã ký kể từ ngày 23/5/2018

cho đến khi thi hành xong khoản nợ. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 24.224.099 đồng, ông Lê Bá P phải chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.818.682 đồng, theo biên lai thu tiền số 0001717 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân